

BIỂU SỐ 03/2019
Thống kê THQCT và KSXX sơ thẩm các vụ án hình sự

- **Dòng 1 (Số vụ án còn lại của kỳ trước):** Thống kê số vụ án Toà án đã thụ lý xét xử sơ thẩm từ các kỳ thống kê trước, chưa giải quyết chuyển sang kỳ thống kê này, gồm các trường hợp sau:

+ Những vụ án còn lại kỳ thống kê trước chưa xét xử chuyển sang kỳ thống kê này;

+ Những vụ án nhận từ nơi khác chuyển đến để xét xử theo thẩm quyền mà nơi chuyển đã thụ lý ở kỳ thống kê trước;

+ Những vụ án Tòa án đình chỉ của các kỳ thống kê trước, nay được phục hồi trong kỳ thống kê này để xét xử;

- **Dòng 2 (Số vụ án hủy mới nhận để xét xử lại):** Thống kê số vụ án bị Tòa án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm hủy để xét xử sơ thẩm lại và Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận lại trong kỳ thống kê.

- **Dòng 3 (Số vụ án điều tra bổ sung mới nhận lại):** Thống kê số vụ án mà Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở các kỳ thống kê, kỳ thống kê này VKS chuyển hồ sơ đến Tòa án và Tòa án đã nhận lại (Số này bao gồm cả số VKS chấp nhận hoặc không chấp nhận điều tra bổ sung).

- **Dòng 4 (Số vụ án tạm đình chỉ đã phục hồi xét xử trong kỳ thống kê):** Thống kê số vụ án đã tạm đình chỉ ở các kỳ thống kê trước, nay được Tòa án phục hồi để xét xử sơ thẩm trong kỳ thống kê (Những vụ án có quyết định tạm đình chỉ nhưng đã quyết định phục hồi ngay trong kỳ thì không thống kê vào các Dòng này).

- **Dòng 5 (Số bị cáo còn lại của kỳ trước):** Thống kê số số bị can, bị cáo Toà án đã thụ lý xét xử sơ thẩm từ các kỳ thống kê trước, chưa giải quyết chuyển sang kỳ thống kê này, gồm các trường hợp sau:

+ Những bị can, bị cáo còn lại kỳ thống kê trước chưa xét xử chuyển sang kỳ thống kê này;

+ Những bị can, bị cáo nhận từ nơi khác chuyển đến để xét xử theo thẩm quyền mà nơi chuyển đã thụ lý ở kỳ thống kê trước;

+ Những bị can, bị cáo Tòa án đình chỉ của các kỳ thống kê trước, nay được phục hồi trong kỳ thống kê này để xét xử;

- **Dòng 6 (Số bị cáo hủy mới nhận để xét xử lại):** Thống kê số bị can, bị cáo mà Tòa án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm hủy để xét xử sơ thẩm lại và Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận lại trong kỳ thống kê.

- **Dòng 7 (Số bị can, bị cáo điều tra bổ sung mới nhận lại):** Thống kê số bị cáo mà Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở các kỳ thống kê, kỳ thống kê này VKS chuyển hồ sơ đến Tòa án và Tòa án đã nhận lại (Số này bao gồm cả số VKS chấp nhận hoặc không chấp nhận điều tra bổ sung).

- **Dòng 8 (Số bị can, bị cáo tạm đình chỉ đã phục hồi xét xử trong kỳ thống kê):** Thống kê số bị can, bị cáo đã tạm đình chỉ ở các kỳ thống kê trước, nay được Tòa án phục hồi để xét xử sơ thẩm trong kỳ thống kê (Những bị can, bị cáo có quyết định tạm đình chỉ nhưng đã quyết định phục hồi ngay trong kỳ thì không thống kê vào các dòng này).

- **Dòng 9 (Số vụ án mới thụ lý xét xử sơ thẩm):** Thống kê số vụ án VKS đã truy tố và đã chuyển hồ sơ cho Tòa án thụ lý để xét xử theo thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 10 (Số vụ án tham nhũng):** Thống kê số vụ án mà VKS truy tố bị can phạm tội tham nhũng Tòa án mới thụ lý trong kỳ thống kê.

- **Dòng 11 (Số vụ án là pháp nhân thương mại):** Thống kê số vụ án mà người phạm tội là pháp nhân thương mại Tòa án mới thụ lý trong kỳ thống kê.

- **Dòng 12 (Số vụ án xác định trọng điểm):** Thống kê số vụ án được xác định là án trọng điểm Tòa án mới thụ lý trong kỳ thống kê.

- **Dòng 13 (Số vụ án VKS cấp trên phân công THQCT, KSXX):** Thống kê số vụ án do Viện kiểm sát cấp trên phân công Viện kiểm sát cấp dưới thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm trong tổng số vụ án mới thụ lý xét xử sơ thẩm.

- **Dòng 14 (Do VKSND tối cao phân công):** Thống kê số vụ án do Viện kiểm sát tối cao phân công Viện kiểm sát cấp dưới thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm trong tổng số vụ án mới thụ lý xét xử sơ thẩm.

- **Dòng 15 (Số bị can, bị cáo mới thụ lý xét xử sơ thẩm):** Thống kê số bị can, bị cáo VKS đã truy tố và đã chuyển hồ sơ cho Tòa án thụ lý để xét xử theo thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 16 (Số bị cáo phạm tội tham nhũng):** Thống kê số bị cáo mà VKS truy tố bị can phạm tội tham nhũng Tòa án mới thụ lý trong kỳ thống kê

- **Dòng 17 (Số bị cáo là pháp nhân thương mại):** Thống kê số vụ án mà người phạm tội là pháp nhân thương mại Tòa án mới thụ lý trong kỳ thống kê.

- **Dòng 18 (Số bị cáo của vụ án xác định trọng điểm):** Thống kê số bị cáo trong vụ án được xác định là án trọng điểm Tòa án mới thụ lý trong kỳ thống kê

- **Dòng 19 (Số bị cáo khi phạm tội là đảng viên):** Thống kê số bị can, bị cáo Tòa án mới thụ lý mà khi phạm tội bị can, bị cáo đó đang là đảng viên.

- **Dòng 20 (Số bị cáo là đảng viên giữ chức vụ quản lý):** Thống kê số bị can, bị cáo mà khi thực hiện hành vi phạm tội là đảng viên đang giữ chức vụ quản lý (từ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương, Phó Bí thư chi bộ hoặc tương đương trở lên).

- **Dòng 21 (Số bị cáo của vụ án VKS cấp trên phân công THQCT, KSXX):** Thống kê số bị can, bị cáo do Viện kiểm sát cấp trên phân công Viện kiểm sát cấp dưới thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm theo thẩm quyền trong tổng số bị can, bị cáo mới thụ lý xét xử sơ thẩm.

- **Dòng 22 (Do VKSND tối cao phân công):** Thống kê số bị can, bị cáo do Viện kiểm sát tối cao phân công Viện kiểm sát cấp dưới thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm trong tổng số vụ án mới thụ lý xét xử sơ thẩm.

- **Dòng 23 (Tổng số vụ án Tòa án thụ lý xét xử sơ thẩm):**

Tổng số = Số vụ án còn lại của kỳ trước + Số vụ án hủy mới nhận để xét xử lại + Số vụ án điều tra bổ sung mới nhận lại + Số vụ án tạm đình chỉ đã phục hồi xét xử trong kỳ thống kê + Số vụ án mới thụ lý xét xử sơ thẩm.

- **Dòng 24 (Số vụ án phạm tội tham nhũng):** Thống kê số vụ án mà bị can phạm tội tham nhũng trong tổng số vụ án Tòa án thụ lý xét xử sơ thẩm.

- **Dòng 25 (Tổng số bị can, bị cáo Tòa án thụ lý xét xử sơ thẩm):**

Tổng số = Số bị can, bị cáo còn lại của kỳ trước + Số bị can, bị cáo hủy mới nhận để xét xử lại + Số bị can, bị cáo điều tra bổ sung mới nhận lại + Số bị can, bị cáo tạm đình chỉ đã phục hồi xét xử trong kỳ thống kê + Số bị can, bị cáo mới thụ lý xét xử sơ thẩm.

- **Dòng 26 (Số bị can, bị cáo phạm tội tham nhũng):** Thống kê số bị can, bị cáo phạm tội tham nhũng trong tổng số bị can, bị cáo Tòa án thụ lý xét xử sơ thẩm.

- **Dòng 27 (Số vụ án tạm ngừng phiên tòa):** Thống kê số vụ án mà trong quá trình xét xử sơ thẩm phải tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập chứng cứ..., vắng mặt thư ký Tòa án tại phiên tòa trong kỳ thống kê (khoản 1 Điều 251 BLTTHS).

- **Dòng 28 (Cần phải xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ, tài liệu):** Thống kê số vụ án mà trong quá trình xét xử sơ thẩm phải tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ, tài liệu..., (điểm a khoản 1 Điều 251 BLTTHS).

- **Dòng 29 (Do tình trạng sức khỏe, sự kiện bất khả kháng... (theo điểm b K1 Đ251 BLTTHS):** Thống kê số vụ án mà trong quá trình xét xử sơ thẩm phải tạm ngừng phiên tòa do tình trạng sức khỏe, sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc người tham gia tố tụng không thể tiếp tục tham gia phiên tòa...

- **Dòng 30 (Do vắng mặt Thư ký Tòa án tại phiên tòa (theo điểm b K1 Đ251 BLTTHS):** Thống kê số vụ án mà trong quá trình xét xử sơ thẩm phải tạm ngừng phiên tòa do vắng mặt Thư ký Tòa án tại phiên tòa.

- **Dòng 31 (Số vụ án Tòa án hoãn phiên tòa (theo Đ297 BLTTHS)):** Thống kê số vụ án Tòa án đã hoãn phiên tòa trong kỳ thống kê khi có một trong các căn cứ quy định khoản 1 Điều 297 BLTTHS.

- **Dòng 32 (Số vụ án đã xét xử sơ thẩm):** Thống kê số vụ án Tòa án đã đưa ra xét xử sơ thẩm và đã có bản án trong kỳ thống kê. Nếu quyết định đưa vụ án ra xét xử ban hành trong kỳ thống kê nhưng chưa có bản án thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 33 (Số vụ án tham nhũng):** Thống kê số vụ án tham nhũng đã xét xử (có bản án) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 34 (Số vụ án VKS cấp trên phân công THQCT, KSXX):** Thống kê số vụ do VKS cấp trên phân công VKS cấp dưới THQCT và KSXX sơ thẩm đã xét xử (có bản án) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 35 (Do VKSND tối cao phân công):** Thống kê số vụ do VKS tối cao phân công VKS cấp dưới THQCT và KSXX sơ thẩm đã xét xử (có bản án) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 36 (Số vụ án mà bị cáo là pháp nhân thương mại):** Thống kê số vụ án mà bị cáo phạm tội là pháp nhân thương mại đã xét xử trong kỳ thống kê.

- **Dòng 37 (Số vụ án xét xử theo thủ tục rút gọn):** Thống kê số vụ đã xét xử (có bản án) theo thủ tục rút gọn trong kỳ thống kê.

- **Dòng 38 (Số vụ án xác định trọng điểm):** Thống kê số vụ án xác định trọng điểm đã xét xử (có bản án) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 39 (Số phiên tòa Tòa án rút kinh nghiệm):** Thống kê số phiên tòa Tòa án tổ chức rút kinh nghiệm đã xét xử trong kỳ thống kê.

- **Dòng 40 (Số phiên tòa VKS rút kinh nghiệm):** Thống kê số vụ án mà VKS quyết định đây là phiên tòa rút kinh nghiệm đã xét xử trong kỳ thống kê.

- **Dòng 41 (Số vụ án có người bào chữa):** Thống kê số vụ án Tòa án đã xét xử sơ thẩm có người bào chữa tham gia phiên tòa, người bào chữa có thể do người bị buộc tội nhờ hoặc do cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền chỉ định.

- **Dòng 42/ 43/ 44 (Luật sư/ Bào chữa viên nhân dân/ Trợ giúp viên pháp lý):** Thống kê số vụ án Tòa án đã xét xử phúc thẩm có luật sư/ bào chữa viên nhân dân/ trợ giúp viên pháp lý tham gia phiên tòa bào chữa cho người bị buộc tội.

Lưu ý: Nếu 01 vụ án có cả luật sư, bào chữa viên nhân dân và trợ giúp viên pháp lý thì chỉ thống kê vào các dòng nêu trên.

- **Dòng 45 (Số vụ án hủy để xét xử lại):** Thống kê số vụ án bị Tòa án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm hủy để xét xử sơ thẩm lại đã được xét xử sơ thẩm lại trong kỳ thống kê.

- **Dòng 46 (Số vụ án VKS chuyển lại sau khi điều tra bổ sung):** Thống kê số vụ án mà Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung đã được xét xử trong kỳ thống kê.

- **Dòng 47/ 48 (Số vụ án Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung lần 1/ lần 2):** Thống kê số vụ án mà Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung lần 1/ lần 2 đã được xét xử trong kỳ thống kê (Căn cứ vào số lần trả hồ sơ (lần một hoặc lần 2) ghi trong quyết định trả hồ sơ cuối cùng để làm căn cứ thống kê).

Lưu ý: Một vụ án đã xét xử có thể được thống kê ở nhiều dòng khác nhau.

- **Dòng 49 (Số bị can, bị cáo đã xét xử sơ thẩm):** Thống kê số bị cáo Tòa án đã đưa ra xét xử sơ thẩm và đã có bản án trong kỳ thống kê (Nếu quyết định đưa vụ án ra xét xử ban hành trong kỳ thống kê nhưng chưa có bản án thì không thống kê vào dòng này).

- **Dòng 50 (Số bị cáo phạm tội tham nhũng):** Thống kê số bị cáo phạm tội tham nhũng đã xét xử sơ thẩm trong kỳ thống kê.

- **Dòng 51 (Số bị cáo được hưởng án treo):** Thống kê số bị cáo đã xét xử sơ thẩm trong kỳ thống kê đối với tội phạm tham nhũng được Tòa án cho hưởng án treo.

- **Dòng 52 (Số bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ):** thống kê số bị cáo đã xét xử sơ thẩm trong kỳ thống kê đối với tội phạm tham nhũng mà Tòa án đã tuyên phạt cải tạo không giam giữ.

- **Dòng 53 (Số bị cáo VKS cấp trên phân công THQCT, KSXX):** Thống kê số bị cáo do VKS cấp trên phân công VKS cấp dưới THQCT và KSXX đã xét xử sơ thẩm trong kỳ thống kê.

- **Dòng 54 (Do VKSND tối cao phân công):** Thống kê số bị cáo do VKS tối cao phân công VKS cấp dưới THQCT và KSXX đã xét xử sơ thẩm trong kỳ thống kê.

- **Dòng 55 (Số bị cáo là pháp nhân thương mại):** Thống kê số bị cáo là pháp nhân thương mại đã xét xử sơ thẩm trong kỳ thống kê.

- **Dòng 56 (Số bị cáo trong vụ án xét xử theo thủ tục rút gọn):** Thống kê số bị cáo trong vụ án đã xét xử theo thủ tục rút gọn trong kỳ thống kê.

- **Dòng 57 (Số bị cáo trong vụ án xác định trọng điểm):** Thống kê số bị cáo trong vụ án xác định trọng điểm đã xét xử sơ thẩm trong kỳ thống kê.

- **Dòng 58 (Số bị cáo có người bào chữa):** Thống kê số bị cáo Tòa án đã xét xử sơ thẩm có người bào chữa tham gia phiên tòa, người bào chữa có thể do người bị buộc tội nhờ hoặc do cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền chỉ định.

- **Dòng 59/ 60/ 61 (Luật sư/ Bào chữa viên nhân dân/ Trợ giúp viên pháp lý):** Thống kê số bị cáo Tòa án đã xét xử phúc thẩm có luật sư/ bào chữa viên nhân dân/ trợ giúp viên pháp lý tham gia phiên tòa bào chữa cho người bị buộc tội.

Lưu ý: Nếu 01 bị cáo có cả luật sư, bào chữa viên nhân dân và trợ giúp viên pháp lý thì chỉ thống kê vào các Dòng nêu trên.

- **Dòng 62 (Số bị cáo Tòa án sơ thẩm tuyên không phạm tội):** Thống kê số bị cáo Tòa án sơ thẩm tuyên không phạm tội trong kỳ thống kê mà (Đối với những bị cáo Tòa án tuyên không phạm một tội nhưng vẫn phạm tội khác thì không thống kê vào Dòng này).

- **Dòng 63 (Số bị cáo phạm tội tham nhũng):** Thống kê số bị cáo bị xét xử phạm tội tham nhũng được Tòa án sơ thẩm tuyên không phạm tội trong kỳ thống kê.

- **Dòng 64 (Số bị cáo Tòa án xét xử theo khoản khác nhẹ hơn trong cùng điều luật hoặc một tội khác nhẹ hơn tội mà VKS đã truy tố):** Thống kê số bị cáo Tòa án đã xét xử theo khoản khác nhẹ hơn khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội phạm khác nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố.

- **Dòng 65 (Số bị cáo Tòa án xét xử về tội danh khác bằng tội danh mà VKS đã truy tố):** Thống kê số bị cáo Tòa án đã xét xử về một tội phạm khác mà điều luật quy định về trách nhiệm hình sự (hình phạt chính, hình phạt bổ sung) như tội phạm mà Viện kiểm sát đã truy tố.

- **Dòng 66 (Số bị cáo Tòa án xét xử theo khoản khác nặng hơn trong cùng một điều luật hoặc về tội danh nặng hơn tội danh VKS truy tố):** Thống kê số bị cáo Tòa án đã xét xử theo khoản khác nặng hơn khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội phạm khác nặng hơn tội mà Viện kiểm sát đã truy tố.

- **Dòng 67 (Số bị cáo hủy để xét xử lại):** Thống kê số bị cáo mà Tòa án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm hủy để xét xử sơ thẩm lại đã được xét xử sơ thẩm lại trong kỳ thống kê.

- **Dòng 68 (Số bị cáo VKS chuyển lại sau khi điều tra bổ sung):** Thống kê số bị cáo mà Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung đã được xét xử trong kỳ thống kê.

- **Dòng 69/ 70 (Số bị cáo Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung lần 1/ lần 2):** Thống kê số bị cáo mà Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung lần 1/ lần 2 đã được xét xử trong kỳ thống kê.

Căn cứ vào số lần trả hồ sơ (lần một hoặc lần 2) ghi trong quyết định trả hồ sơ cuối cùng để làm căn cứ thống kê.

- **Dòng 71 (Số vụ án Tòa án đình chỉ):** Thống kê số vụ án Tòa án đã ra quyết định đình chỉ vụ án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 72 (Do bị hại hoặc người đại diện của bị hại rút đơn yêu cầu (theo K2 Đ155 BLTTHS)):** Thống kê số vụ án Tòa án đình chỉ trong kỳ thống kê do bị hại hoặc người đại diện của bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố.

- **Dòng 73/ 74/ 75/ 76/ 77/ 78 (Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho XH chưa đến tuổi chịu TNHS/ Người thực hiện hành vi nguy hiểm của họ đã có bản án hoặc QĐ đình chỉ vụ án có hiệu lực PL/ Đã hết thời hiệu truy cứu TNHS/ Tội phạm đã được đại xá/ NGười thực hiện hành vi nguy hiểm cho XH đã chết/ Do VKS rút quyết định truy tố trước khi mở phiên toà):** Thống kê số vụ án Tòa án đình chỉ trong kỳ thống kê theo các căn cứ (lý do) tương ứng trước khi mở phiên toà.

- **Dòng 79 (Số vụ án tham nhũng):** Thống kê số vụ án tham nhũng vụ án Tòa án đình chỉ trong kỳ thống kê.

- **Dòng 80 (Số bị can, bị cáo Tòa án đình chỉ):** Thống kê số bị can, bị cáo Tòa án đã ra quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo trong kỳ thống kê.

- **Dòng 81(Do bị hại hoặc người đại diện của bị hại rút đơn yêu cầu (theo K2 Đ155 BLTTHS)):** Thống kê số bị cáo Tòa án đình chỉ trong kỳ thống kê do bị hại hoặc người đại diện của bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố.

- **Dòng 82/ 83/ 84/ 85/ 86/ 87 (Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho XH chưa đến tuổi chịu TNHS/ Người thực hiện hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc QĐ đình chỉ vụ án.../ Đã hết thời hiệu truy cứu TNHS/ Tội phạm đã được đại xá/ Người thực hiện hành vi phạm tội đã chết/ Do VKS rút quyết định truy tố trước khi mở phiên toà):** Thống kê số bị cáo Tòa án

đình chỉ trong kỳ thống kê theo các căn cứ (lý do) tương ứng trước khi mở phiên tòa.

- **Dòng 88 (Số bị cáo phạm tội tham nhũng):** Thống kê số bị cáo phạm tội tham nhũng Tòa án đã ra quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, bị cáo trong kỳ thống kê.

- **Dòng 89 (Số vụ án Tòa án tạm đình chỉ trong kỳ thống kê):** Thống kê số vụ án Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê (Những vụ án có quyết định tạm đình chỉ nhưng đã quyết định phục hồi ngay trong kỳ thì không thống kê vào các Dòng này).

- **Dòng 90 (Do không biết rõ bị cáo đang ở đâu mà hết thời hạn chuẩn bị xét xử (theo điểm c K1 Đ281 BLTTHS)):** Thống kê số vụ án Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê do không biết rõ bị can, bị cáo đang ở đâu mà hết thời hạn chuẩn bị xét xử.

- **Dòng 91 (Khi có kết luận giám định tư pháp bị cáo bị tâm thần hoặc mắc bệnh hiểm nghèo (theo điểm b K1 Đ229 BLTTHS)):** Thống kê số vụ án Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê khi có kết luận giám định tư pháp bị can, bị cáo bị tâm thần hoặc mắc bệnh hiểm nghèo.

- **Dòng 92 (Khi trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp chưa có kết quả (theo điểm c K1 Đ229 BLTTHS)):** Thống kê số vụ án Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê do phải trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp chưa có kết quả.

- **Dòng 93 (Chờ kết quả xử lý văn bản pháp luật mà Tòa án kiến nghị):** Thống kê số vụ án Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê do chờ kết quả xử lý văn bản pháp luật mà Tòa án kiến nghị.

Lưu ý: Nếu một 1 vụ án tạm đình chỉ với nhiều lý do khác nhau thì chỉ TK 1 lý do theo mã dòng nhỏ nhất.

- **Dòng 94 (Số vụ án tham nhũng):** Thống kê số vụ án tham nhũng Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê.

- **Dòng 95 (Số bị cáo Tòa án tạm đình chỉ trong kỳ thống kê):** Thống kê số bị cáo có quyết định tạm đình chỉ của Tòa án trong kỳ thống kê. Những bị cáo có quyết định tạm đình chỉ nhưng đã quyết định phục hồi ngay trong kỳ thì không thống kê vào các Dòng này.

- **Dòng 96 (Do không biết rõ bị cáo đang ở đâu mà hết thời hạn chuẩn bị xét xử bỏ trốn (theo điểm c K1 Đ281 BLTTHS)):** Thống kê số vụ án Tòa

án đã ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê do không biết rõ bị can, bị cáo đang ở đâu mà hết thời hạn chuẩn bị xét xử.

- **Dòng 97 (Khi có kết luận giám định tư pháp bị cáo bị tâm thần hoặc mắc bệnh hiểm nghèo (theo điểm b K1 Đ229 BLTTHS)):** Thống kê số bị can, bị cáo Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê khi có kết luận giám định tư pháp bị can, bị cáo bị tâm thần hoặc mắc bệnh hiểm nghèo.

- **Dòng 98 (Khi trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp chưa có kết quả (theo điểm c K1 Đ229 BLTTHS)):** Thống kê số bị can, bị cáo Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê do phải trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp chưa có kết quả.

- **Dòng 99 (Chờ kết quả xử lý văn bản pháp luật mà Tòa án kiến nghị):** Thống kê số vụ án Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê do chờ kết quả xử lý văn bản pháp luật mà Tòa án kiến nghị.

- **Dòng 100 (Số bị cáo phạm tội tham nhũng):** Thống kê số bị can, bị cáo phạm tội tham nhũng Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê.

- **Dòng 101 (Số vụ án Tòa án tạm đình chỉ đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số vụ án trường hợp có quyết định tạm đình chỉ của Tòa án phát sinh trong kỳ thống kê và các kỳ thống kê trước đến cuối kỳ thống kê vẫn đang tạm đình chỉ.

- **Dòng 102 (Số bị can, bị cáo Tòa án tạm đình chỉ đến cuối kỳ thống kê):** thống kê số bị can, bị cáo trường hợp có quyết định tạm đình chỉ của Tòa án phát sinh trong kỳ thống kê và các kỳ thống kê trước đến cuối kỳ thống kê vẫn đang tạm đình chỉ.

Lưu ý: Để quản lý chặt chẽ các trường hợp tạm đình chỉ của Tòa án, các đơn vị cần kiểm tra công thức:

Tổng số vụ án, bị cáo Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê = Tổng số vụ án, bị cáo Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê của kỳ thống kê trước trừ đi số vụ án/ số bị can, bị cáo tạm đình chỉ phục hồi điều tra trong kỳ thống kê cộng với số vụ án/ số bị can, bị cáo tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê

- **Dòng 103 (Số vụ án còn lại chưa giải quyết):** Thống kê số vụ án đến cuối kỳ thống kê chưa xét xử xong (chưa có bản án) hoặc chưa có quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ. Trường hợp đã đưa vụ án ra xét xử nhưng chưa có bản án trong kỳ thống kê thì vẫn thống kê vào dòng này.

Số vụ án còn lại = Tổng số - Số vụ án đã xét xử - Số vụ án đình chỉ - Số vụ án tạm đình chỉ.

- **Dòng 104 (Số vụ án còn lại chưa giải quyết đã quá hạn luật định):** thống kê số vụ án chưa giải quyết đã quá hạn luật định tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 105 (Số vụ án tham nhũng):** Thống kê số vụ án tham nhũng đến cuối kỳ thống kê chưa xét xử xong (chưa có bản án) hoặc chưa có quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ.

- **Dòng 106 (Số bị can, bị cáo còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** Thống kê số bị can, bị cáo đến cuối kỳ thống kê chưa xét xử xong (chưa có bản án) hoặc chưa có quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ. Trường hợp đã đưa vụ án ra xét xử nhưng chưa có bản án trong kỳ thống kê thì vẫn thống kê vào dòng này.

Số bị can, bị cáo còn lại = Tổng số - Số bị can, bị cáo đã xét xử - Số bị can, bị cáo đình chỉ - Số bị can, bị cáo tạm đình chỉ.

- **Dòng 107 (Số bị cáo phạm tội tham nhũng):** Thống kê số can, bị cáo phạm tội tham nhũng đến cuối kỳ thống kê chưa xét xử xong (chưa có bản án) hoặc chưa có quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ.

- **Dòng 108 (Số bị cáo đã quá hạn tạm giam):** Thống kê số bị can, bị cáo đang bị tạm giam đã quá hạn tạm giam mà hồ sơ vụ án đang do Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết.

- **Dòng 109 (Số vụ án Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung):** Thống kê số vụ án Tòa án đã ban hành quyết định trả hồ sơ để VKS điều tra bổ sung trong kỳ thống kê (Số này bao gồm cả số VKS chấp nhận và số không chấp nhận).

- **Dòng 110 (Số vụ án tham nhũng):** Thống kê số vụ án tham nhũng Tòa án đã ban hành quyết định trả hồ sơ để VKS điều tra bổ sung trong kỳ thống kê.

- **Dòng 111 (Thiếu chứng cứ mà không thể bổ sung tại phiên tòa được):** Thống kê số vụ án trong kỳ thống kê Tòa án quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung do thiếu chứng cứ mà không thể bổ sung tại phiên tòa được như: chứng cứ để xác định hành vi đã xảy ra có đủ yếu tố cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật Hình sự hay thuộc các trường hợp không phải là hành vi phạm tội; chứng cứ xác định nếu có hành vi phạm tội xảy ra thì xảy ra vào thời gian nào, ở đâu; phương pháp, thủ đoạn, công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm như thế nào; chứng cứ xác định một chủ thể cụ thể đã thực hiện hành vi phạm tội đó...

- **Dòng 112 (Có căn cứ cho rằng ngoài hành vi mà VKS đã truy tố, bị can còn thực hiện hành vi khác mà BLHS quy định là tội phạm):** Thống kê số vụ án mà trong kỳ thống kê Thẩm phán (trong giai đoạn chuẩn bị xét xử), Hội đồng xét xử (tại phiên tòa) trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi Có căn cứ cho rằng ngoài hành

vi mà VKS đã truy tố, bị can còn thực hiện hành vi khác mà BLHS quy định là tội phạm như: Viện kiểm sát truy tố về một hay nhiều tội, nhưng chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hành vi của bị can hoặc bị cáo đã thực hiện cấu thành một hay nhiều tội khác; Ngoài hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát đã truy tố, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy còn có căn cứ để khởi tố bị can hoặc bị cáo về một hay nhiều tội khác.

- **Dòng 113 (Có căn cứ cho rằng còn có đồng phạm khác hoặc có người khác thực hiện hành vi mà BLHS quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can):** Thống kê số vụ án trong kỳ thống kê Toà án quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi có căn cứ cho rằng ngoài bị can hoặc bị cáo đã bị truy tố, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy còn có người đồng phạm khác hoặc có người phạm tội khác liên quan đến vụ án, nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

- **Dòng 114 (Việc khởi tố, điều tra, truy tố vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng):** Thống kê số vụ án trong kỳ thống kê Toà án quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi việc khởi tố, điều tra, truy tố có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng như: Lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra mà theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát, nhưng không có phê chuẩn của Viện kiểm sát hoặc việc ký lệnh, quyết định tố tụng không đúng thẩm quyền; Không chỉ định, thay đổi hoặc chấm dứt việc chỉ định người bào chữa cho người bị buộc tội theo quy định; Xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử dẫn đến xâm hại nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của họ;...

- **Dòng 115/ 116 (Số vụ án Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi có căn cứ cho rằng bị can hoặc bị cáo phạm tội nặng hơn tội danh mà VKS đã truy):** Thống kê số những vụ án Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi có căn cứ cho rằng bị can hoặc bị cáo phạm tội khác nặng hơn tội danh mà VKS đã truy tố.

- **Dòng 116 (Do phát sinh tình tiết mới hoặc lý do khác):** Thống kê số vụ án Tòa án đã trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung mà lý do trả không phải là những lý do nêu trên.

Lưu ý: + Trong một vụ án Tòa án trả cho VKS với nhiều lý do khác nhau thì thống kê hết tất cả các lý do vào các dòng tương ứng.

+ Trường hợp cùng một vụ án nhưng Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhiều lần thì chỉ tính là 01 vụ.

- **Dòng 117 (Số vụ án Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung được VKS chấp nhận):** Thống kê số vụ án Tòa án đã ban hành quyết định trả hồ sơ để VKS điều tra bổ sung mà Viện kiểm sát chấp nhận và tiến hành điều tra bổ sung theo yêu cầu của Tòa án, kể cả những vụ Viện kiểm sát chỉ chấp nhận một phần yêu cầu điều tra của Tòa án, không phân biệt việc chấp nhận có làm thay đổi nội dung Cáo trạng hay không (Việc chấp nhận ở kỳ thống kê nào thì thống kê vào kỳ thống kê đó).

- **Dòng 118 (Số vụ án tham nhũng):** Thống kê số vụ án tham nhũng Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung đã được VKS chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 119 (Thiếu chứng cứ mà không thể bổ sung tại phiên tòa được):**

- **Dòng 120 (Có căn cứ cho rằng ngoài hành vi mà VKS đã truy tố, bị can còn thực hiện hành vi khác mà BLHS quy định là tội phạm).**

- **Dòng 121 (Có căn cứ cho rằng còn có đồng phạm khác hoặc có người khác thực hiện hành vi mà BLHS quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can).**

- **Dòng 122 (Việc khởi tố, điều tra, truy tố vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng).** Căn cứ trả hồ sơ để điều tra bổ sung đã được hướng dẫn ở phần trên.

- **Dòng 123 (Số vụ án được VKS chấp nhận, sau đó VKS thay đổi quan điểm truy tố):** Thống kê số vụ án số vụ án Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung được VKS chấp nhận và kết quả điều tra bổ sung làm thay đổi cơ bản nội dung cáo trạng trước đó, Viện kiểm sát ban hành cáo trạng mới thay thế và chuyển hồ sơ đến Tòa án.

- **Dòng 124 (Số vụ án được VKS chấp nhận, sau đó có văn bản trả lời giữ nguyên quan điểm truy tố):** Thống kê số vụ án số vụ án Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung được VKS chấp nhận và kết quả điều tra bổ sung làm thay đổi cơ bản nội dung cáo trạng trước đó, Viện kiểm sát ban hành cáo trạng mới thay thế và chuyển hồ sơ đến Tòa án.

- **Dòng 125 (Số vụ án VKS tự tiến hànhĐTBS, sau đó có văn bản trả lời giữ nguyên quan điểm truy tố):** Thống kê số vụ án số vụ án Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung được VKS chấp nhận và kết quả điều tra bổ sung không làm thay đổi nội dung cáo trạng trước đó và Viện kiểm sát có văn bản nêu rõ lý do giữ nguyên quyết định truy tố và chuyển hồ sơ đến Tòa án.

- **Dòng 126 (Số vụ án VKS chấp nhận, đã bổ sung chứng cứ và đã chuyển lại hồ sơ lại cho Tòa án):** Thống kê số vụ án số vụ án Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung được VKS chấp nhận, Viện kiểm sát tự mình tiến hành điều tra và kết quả điều tra bổ sung không làm thay đổi nội dung cáo trạng trước đó và Viện kiểm

sát có văn bản nêu rõ lý do giữ nguyên quyết định truy tố và chuyển hồ sơ đến Tòa án.

- **Dòng 127 (Số vụ án VKS chấp nhận và không khắc phục được dẫn đến tạm đình chỉ vụ án):** Thống kê số vụ án Tòa án trả điều tra bổ sung do thiếu chứng cứ, VKS đã bổ sung chứng cứ và đã chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án đề nghị xét xử, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 128 (Số vụ án được VKS chấp nhận và không khắc phục được dẫn đến đình chỉ vụ án):** Thống kê số vụ án Tòa án trả điều tra bổ sung VKS đã chấp nhận nhưng kết quả điều tra bổ sung dẫn đến phải tạm đình chỉ vụ án và VKS đã ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê.

- **Dòng 129 (Số vụ án Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung nhưng VKS không chấp nhận và có văn bản trả lời giữ nguyên quan điểm truy tố):** Thống kê số vụ án Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung không có căn cứ pháp luật nên VKS không chấp nhận, và đã chuyển trả hồ sơ cho tòa án để tiếp tục việc xét xử. VKS không chấp nhận và chuyển trả hồ sơ cho tòa án vào tháng nào thì thống kê vào tháng đó, không căn cứ thời điểm Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung. Chỉ thống kê những vụ Viện kiểm sát không chấp nhận hoàn toàn.

- **Dòng 130 (Số vụ án VKS cấp trên phân công THQCT và KSXX):** Thống kê số vụ án VKS cấp trên phân công cho VKS cấp dưới để THQCT và KSXX sơ thẩm theo thẩm quyền nhưng bị Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong kỳ thống kê nhưng VKS không chấp nhận.

- **Dòng 131 (Do VKSND tối cao phân công):** thống kê số vụ án VKS nhân dân tối cao phân công cho VKS cấp dưới để THQCT và KSXX sơ thẩm theo thẩm quyền nhưng bị Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng VKS không chấp nhận.

- **Dòng 132 (Số bị can, bị cáo Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung):** Thống kê số bị can, bị cáo Tòa án đã ban hành quyết định trả hồ sơ để VKS điều tra bổ sung trong kỳ thống kê.

- **Dòng 133 (Số bị cáo phạm tội tham nhũng):** Thống kê số bị can, bị cáo phạm tội tham nhũng Tòa án đã ban hành quyết định trả hồ sơ để VKS điều tra bổ sung trong kỳ thống kê.

- **Dòng 134 (Số vụ án Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung khi có căn cứ cho rằng ngoài hành vi mà VKS đã truy tố, bị can còn thực hiện hành vi khác mà BLHS quy định là tội phạm mà VKS đã chấp nhận):** Thống kê số vụ án Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung yêu cầu khởi tố bị can, bị cáo thêm tội phạm mới khi có căn cứ cho rằng: Viện kiểm sát truy tố về một hay nhiều tội, nhưng chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hành vi của bị can hoặc bị cáo đã thực hiện

cấu thành một hay nhiều tội khác; Ngoài hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát đã truy tố, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy còn có căn cứ để khởi tố bị can hoặc bị cáo về một hay nhiều tội khác và Viện kiểm sát đã chấp nhận điều tra bổ sung.

Số này bao gồm cả số chấp nhận ở kỳ thống kê trước chưa được giải quyết (đã khởi tố hoặc trả lời không có căn cứ khởi tố) và số chấp nhận của kỳ thống kê này. Vì vậy số liệu Dòng 134 có thể lớn hơn hoặc bằng số liệu Dòng 117.

- **Dòng 135 (Số đã khởi tố):** Thống kê số bị can, bị cáo trong kỳ thống kê đã bị khởi tố thêm tội danh mới theo yêu cầu của Tòa án.

- **Dòng 136 (Số đã có văn bản trả lời không có căn cứ khởi tố):** Thống kê số bị can, bị cáo trong kỳ thống kê Viện kiểm sát đã có văn bản trả lời Tòa án việc khởi tố thêm tội danh đối với bị can, bị cáo là không có căn cứ.

- **Dòng 137 (Số vụ án Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung có căn cứ cho rằng còn có đồng phạm khác hoặc có người khác thực hiện hành vi mà BLHS quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can (yêu cầu khởi tố người phạm tội mới) mà VKS đã chấp nhận):** Thống kê số vụ án Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung yêu cầu khởi tố người phạm tội mới khi có căn cứ cho rằng ngoài bị can hoặc bị cáo đã bị truy tố, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy còn có người đồng phạm khác hoặc có người phạm tội khác liên quan đến vụ án, nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Viện kiểm sát đã chấp nhận điều tra bổ sung (Số này bao gồm cả số chấp nhận ở kỳ thống kê trước chưa được giải quyết (đã khởi tố hoặc trả lời không có căn cứ khởi tố) và số chấp nhận của kỳ thống kê này. Vì vậy số liệu Dòng 137 có thể lớn hơn hoặc bằng số liệu Dòng 121).

- **Dòng 138 (Đã khởi tố):** Thống kê số bị can đã khởi tố thêm trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Tòa án.

- **Dòng 139 (Số đã có văn bản trả lời không có căn cứ khởi tố):** Thống kê số vụ án trong kỳ thống kê VKS đã có công văn trả lời Tòa án không có căn cứ khởi tố thêm người phạm tội mới.

Dòng 140 (Số vụ án VKS rút toàn bộ quyết định truy tố): Thống kê số vụ án VKS rút toàn bộ quyết định truy tố cả trước và trong phiên tòa trong kỳ thống kê.

- **Dòng 141 (Số vụ án VKS rút toàn bộ quyết định truy tố của VKS cấp dưới):** thống kê số vụ án bị VKS cấp trên rút toàn bộ quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa của VKS cấp dưới.

Dòng 142 (Số bị can, bị cáo VKS rút toàn bộ quyết định truy tố): Thống kê số bị can, bị cáo VKS rút toàn bộ quyết định truy tố cả trước và trong phiên tòa trong kỳ thống kê.

- **Dòng 143 (Số bị can, bị cáo VKS rút toàn bộ quyết định truy tố của VKS cấp dưới):** thống kê số bị can, bị cáo bị VKS cấp trên rút toàn bộ quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa của VKS cấp dưới.

- **Dòng 144 (Số vụ án VKS rút một phần quyết định truy tố):** thống kê số vụ án VKS rút một phần quyết định truy tố cả trước và trong phiên tòa trong kỳ thống kê.

- **Dòng 145 (Số vụ án VKS rút một phần quyết định truy tố của VKS cấp dưới):** thống kê số vụ án bị VKS cấp trên rút một phần quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa của VKS cấp dưới.

Dòng 146 (Số bị can, bị cáo VKS rút một phần quyết định truy tố): thống kê số bị can, bị cáo VKS rút một phần quyết định truy tố cả trước và trong phiên tòa trong kỳ thống kê.

- **Dòng 147 (Số bị can, bị cáo VKS rút một phần quyết định truy tố của VKS cấp dưới):** thống kê số bị can, bị cáo bị VKS cấp trên rút một phần quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa của VKS cấp dưới.

- **Dòng 148/ 149 (Số vụ án/ Số bị cáo VKS kháng nghị phúc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án cùng cấp):** thống kê số vụ án/ số bị cáo bị VKS cùng cấp kháng nghị phúc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án sơ thẩm trong kỳ thống kê.

- **Dòng 150/ 151 (Số vụ án/ Số bị cáo đề nghị VKS cấp trên kháng nghị phúc thẩm):** Thống kê số vụ án/ số bị cáo bị VKS cấp dưới đề nghị VKS cấp trên trực tiếp kháng nghị phúc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới trong kỳ thống kê.

- **Dòng 152 (Số bị cáo phạm tội tham nhũng bị VKS kháng nghị đối với trường hợp Tòa án cho hưởng án treo):** thống kê số bị cáo phạm tội tham nhũng được Tòa án xét xử cho hưởng án treo bị VKS kháng nghị trong kỳ thống kê.

- **Dòng 153 (Số bản kiến nghị của VKS với Tòa án yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động xét xử sơ thẩm):** thống kê số bản kiến nghị của VKS với Tòa án yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động xét xử sơ thẩm trong kỳ thống kê. Trường hợp 1 bản kiến nghị chung cả 3 cấp xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm) thì chỉ thống kê 1 lần vào dòng này (biểu phúc thẩm, giám đốc thẩm không thống kê nữa).

- **Dòng 154 (Số bản kiến nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm trong XXST đã được Tòa án có văn

bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 155 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS yêu cầu Tòa án khác phục vi phạm trong XXST mà Tòa án có văn bản không chấp nhận trong kỳ thống kê (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 156 (Số bản kiến nghị của VKS với cơ quan, tổ chức và đơn vị hữu quan về áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý):** thống kê số bản kiến nghị của VKS với cơ quan, tổ chức và đơn vị hữu quan về áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý trong kỳ thống kê.